

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG
TRƯỜNG MẦM NON HỢP THANH

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: * Hoạt động khác: - Ô sao bé không lắc - Thẻ đục sáng - Tập với nhạc vui nhộn: Bé khỏe; ... - Tập với đồ dùng: Tập với quả bông; Tập với vòng; Tập với cờ; Tập với gậy; Gà trống; Thỏ con; Tập với bóng; Tập với nơ; Chú chim nhỏ; Cây cao cỏ thấp; Bàn tay sạch; Hái quả; Gà trống; Chiếc đồng hồ, Cái lúc lắc, chú ong nhỏ, Cây đu đưa, Đoàn tàu... - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra (Thổi bóng, Thổi nơ, Gà gáy, Máy bay ù ù) - Tay: Giơ lên cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên.

			- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Hoạt động học: + Đi theo hiệu lệnh + Đi theo hiệu lệnh có sử dụng vật chuẩn + Đi theo hiệu lệnh đi đều + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi trong đường ngoằn ngoèo + Đi bước qua kệ cao + Bước lên xuống bậc cao 15cm + Đi chạy theo hiệu lệnh + Đi bước vào các ô + Chạy theo hướng thẳng + Chạy theo hiệu lệnh + Đứng co một chân + Chạy đổi hướng + Nhún, bật tại chỗ + Nhún bật về phía trước + Bật qua vạch kẻ + Bật xa bằng 2 chân + Bật liên tục vào các vòng + Tung bắt bóng bằng hai tay + Tung bóng cho cô (1m)
3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	
5	MT5	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	

		+ Tung bóng qua dây + Ném bóng về phía trước + Ném bóng qua dây + Ném bóng vào đích 1- 1,2m - Bài tập tổng hợp + Tung bóng với cô (1m)- Ném trúng đích (1- 1,2m) * Hoạt động học: + Bò bằng hai bàn tay, 2 bàn chân + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò, trườn qua vật cản + Bò trong đường hẹp + Bò chui dưới dây/ dưới gậy kẻ cao + Trườn về phía trước + Bò theo đường đích đặt + Bò lên xuống bậc cao(15 cm) * Hoạt động học: + Ném xa bằng 1 tay (1,5m) + Ném bóng về phía trước + Ném bóng qua dây + Ném bóng vào đích 1- 1, + Tung bóng với cô (1m)- Ném trúng đích (1- 1,2m) Hoạt động khác: - Trò chơi vận động:
--	--	---

			+ Bóng tròn to + lộn cầu vòng + Nhảy thỏ - Trò chơi dân gian: + Dung dăng dung dẻ; Lộn cầu vòng; Nu na nu nống; Trời nắng trời mưa; Cáo và thỏ, Bịt mắt bắt dê; Mèo đuổi chuột; Chi chi chành chành; Cắp cua... - Trò chơi vận động: Đập bóng; Thi buộc dây; Cài cúc; Thi xem ai khâu được dài hơn; Ai nhào đất khéo; Bóng tròn to; Chuyển bóng qua tay; Tung bóng; Cáo và thỏ.... * TCVD: Con bộ dừa; Con rùa; Mèo và chim sẻ; Lộn cầu vòng; Gà trong vườn rau; Bắt bướm; Ô tô về bến; Ai nhanh hơn; Trời nắng trời mưa; Lộn cầu vòng... *TCDG: Thổi bong bóng bay mèo đuổi chuột; chi chi chành chành; kéo co; dung dăng dung dẻ; lộn cầu vòng; rồng rắn lên mây; tập tầm vông; xin lửa; cắp cua, nu na nu nống, * Hoạt động khác: Chuyền quả qua sông; Ai ném được xa hơn; Chiếc đồng hồ; *TCDG: Nu na nống; mèo đuổi chuột; chi chi chành chành; kéo co; dung dăng dung dẻ; lộn cầu vòng; rồng rắn lên mây; tập tầm vông; xin lửa; cắp cua....
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
6	MT6	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Hoạt động khác:

7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Những ngón tay ngoan: trẻ nắm tay cho trẻ duỗi từng ngón tay, duỗi đến ngón tay nào gọi tên ngón tay ấy. (Ngón cái ngón trỏ, ngón giữa, ngón đeo nhẫn, ngón út). - Xâu lá; Xâu vòng hoa (hoặc hạt)các màu; xâu các con vật; Xâu luồn dây; ngoặc móc xích; ghép hoa; Xếp nhà bằng các khối gỗ ,Xâu lá; Xâu vòng hoa (hoặc hạt)các màu; xâu các con vật; Xâu luồn dây; ngoặc móc xích; ghép hoa; Xếp nhà bằng các khối gỗ; Tập nặn đất nặn; Tập nhào bột; lấy tay cắp hạt bỏ giỏ; các ngón tay nhúc nhích ... - Vận động múa các bài hát có trong chủ đề... -TCVĐ: Cắp cua bỏ giỏ; Ngón tay nhúc nhích; Chim chích; Con cua đá; tập tầm vông, ... -TC dân gian: Chi chi chành chành;chi chi chành chành; tập tầm vông; xin lửa; cắp cua... - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút, tô vẽ - Lật mở trang sách - Nghich cát, nghịch nước: luyện tập kỹ năng sử dụng đôi bàn tay. - Chơi với đất nặn: luyện tập cơ bàn tay, ngón tay. - Xâu lá; Xâu vòng hoa (hoặc hạt)các màu; xâu các con vật; Xâu
---	-----	--	---

			luồn dây; ngoặc móc xích; ghép hoa; Xếp nhà bằng các khối gỗ ,Xâu lá; Xâu vòng hoa (hoặc hạt)các màu; xâu các con vật; Xâu luồn dây; ngoặc móc xích; ghép hoa; Xếp nhà bằng các khối gỗ; Tập nặn đất nặn; Tập nhào bột; lấy tay cấp hạt bỏ giỏ; các ngón tay nhúc nhích ... - Vận động múa các bài hát có trong chủ đề... -TCVĐ: Cấp cua bỏ giỏ; Ngón tay nhúc nhích; Chim chích; Con cua đá; tập tầm vông, ... -TC dân gian: Chi chi chành chành;chi chi chành chành; tập tầm vông; xin lửa; cấp cua...
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
8	MT8	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn,vứt rác đúng nơi quy định. Dạy kỹ năng: + Xúc cơm, uống nước. + Cách xúc miệng nước muối. -Trao đổi với phụ huynh để biết trẻ đã có chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa. Tập chuẩn bị chỗ ngủ. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
9	MT9	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	
10	MT10	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	

			+Hướng dẫn rèn luyện trẻ có thói quen đi vệ sinh đúng nơi qui định + Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
11	MT11	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: Tập tự phục vụ: Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt, lấy nước uống... + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn bị ướt. - Dạy trẻ kỹ năng sống: + Cách rửa tay. + Cách xúc miệng nước muối. + Cách lấy nước và uống nước. + Cách giữ vệ sinh khi ho. + Khi hỉ mũi. + Cách cài khuy áo; Cách sử dụng thìa; Cách xúc hạt bằng thìa to.... + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn bị ướt. dạy trẻ kỹ năng sống: + Cởi giày, đi giày, cất giày, dép. + Cất ba lô. -Tổ chức cho trẻ rèn kỹ năng biết Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. -Rèn kỹ năng mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, mặc
12	MT12	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	

			quần áo ấm khi trời lạnh.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
13	MT13	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. Hoạt động khác: - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết nguy cơ không an toàn khi sử dụng dao, kéo, nước nóng, bàn là. Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không ra khỏi lớp một mình; Không đi theo người lạ; Không cho vật nhỏ vào tai, mũi; Không nghịch vật sắc nhọn - Xem tranh ảnh, chỉ vào những đồ vật, nơi nguy hiểm - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ: + Đi cầu thang. + Cách đứng lên và ngồi xuống ghế. + Cách bê ghế. + Cách đóng mở cửa - Xem tranh, ảnh, video trò chuyện giúp trẻ nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào
14	MT14	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	

			hoặc đến gần. - Cho xem tranh, ảnh, video trò chuyện về sự nguy hiểm có thể xảy ra (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng). - Xem tranh và trả lời có hay không nghịch chơi các vật dụng, nơi nguy hiểm: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm: ao, hồ, giếng - Không leo chèo lên lan can, cây cối ... - Xem tranh, ảnh, video trò chuyện giúp trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh: Không leo chèo, không nghịch dao kéo, đồ sắc nhọn....
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
15	MT15	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn, xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt, mặn, chua). - Quy trình sử dụng dụng cụ để khám phá đối tượng. Hoạt động khác: Kỹ năng trải nghiệm sỏi, đá, cát - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: + Lau bàn: Nhận biết bàn sạch, bẩn và khăn lau bàn. + Chuẩn bị mâm cơm.
16	MT16	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	

			+ Bóng màu và các hộp màu. + Đồ vật bé thích + Hộp hình dạng. + Hộp phân loại hình dạng + Hình dạng và màu sắc các hạt. + Đếm quần áo. + To và nhỏ. + Chìm và nổi. + Chiếc làn kỳ diệu. - Luyện thị giác, thính giác: + Tìm đồ chơi: Trẻ tìm được đồ chơi và cất giấu ở các vị trí khác nhau. + Tiếng kêu của cái gì: Trẻ nhận biết được tiếng kêu của các vật khác nhau. + Đoán xem cái gì kêu: Nhận biết âm thanh của một số đồ vật, đồ chơi quen thuộc Cái gì biến mất; Đoán xem vật gì; Cái gì trong túi; Trò chơi với cát nước; Nấu cho em ăn; Cho em ăn; Tắm cho em; Khám bệnh; Tiêm thuốc; Chơi bóng; Xâu vòng tặng em bé hoặc bạn; Đặt nó ra xa; Bóng to, bóng nhỏ; Chơi cát; Thổi bong bóng; Chơi với nước; Nhận biết con vật qua tiếng kêu; Hái quả trên cây; Hái hoa; Ai đây nhỉ; Đoán đúng tên bạn; Ai bỏ đi; Cái gì trong túi
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
17	MT17	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: + Địa chỉ gia đình bé
18	MT18	2.3. Nói được tên và chức năng của	

		một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	+ Người thân trong gia đình bé
19	MT19	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	+ Trang phục của các thành viên trong gia đình + Bé là ai?
20	MT20	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	+ Bạn trai, bạn gái + Ngôi nhà của bé + Bộ phận trên cơ thể bé + Tết Trung thu của bé. + Trường mầm non Hợp Thanh + Lớp học của bé + Đồ chơi của bé + Bé và các bạn + Ngày vui của mẹ và cô + Bé là ai?
21	MT21	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	+ Ngôi nhà của bé + Người thân của bé + Cảm xúc của bé + Ngày hội của cô giáo + Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết. + Đồ dùng trong gia đình bé + Bác nông dân + Cô cấp dưỡng + Bé thích làm bác sỹ. + Chú bộ đội + Công việc của cô giáo

		+ Con thỏ đáng yêu + Cá vàng dễ thương + Con Voi, Con Hổ + Voi con nghộ nghĩnh + Bé chuẩn bị đón tết + Mùa xuân, lễ hội mùa xuân + Hoa mùa xuân + Bé thích quả gì? + Rau, củ bé biết + Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 + Bố mẹ đưa bé đến trường bằng phương tiện gì? + Tàu, thuyền bé thích. + Máy bay bay ở đâu? + Tàu hỏa + Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm) + Mùa hè đến rồi + Một số hiện tượng tự nhiên + Bé yêu biển lắm + Trang phục mùa hè + Bé bảo vệ môi trường + Thời tiết mùa hè + Quê hương Hợp Thanh của bé + Bé lên mẫu giáo + Sinh nhật Bác 19/5/1990
--	--	--

		* Hoạt động học: + Màu xanh – màu đỏ + Màu xanh – màu vàng + Ôn nhận biết màu xanh, màu đỏ, màu vàng. + To và nhỏ + Hình tròn, hình vuông + Một và nhiều + Trên – dưới + Trước – sau + Ôn nhận biết màu xanh, màu đỏ, màu vàng. + Ôn nhận biết to nhỏ + Ôn nhận biết một nhiều + Ôn nhận biết trên, dưới, trước, sau + Ôn nhận biết hình tròn, hình vuông Hoạt động khác: - HĐCMĐ: Quan sát tranh ảnh về những người thân trong gia đình bé; Quan sát tranh ảnh và tìm trang phục phù hợp cho các thành viên trong gia đình; Quan sát hoạt động và những hình ảnh ngày 20/10... - TCVĐ: Về đúng nhà; Dung dăng dung dẻ; Nói to, nói nhỏ; Ai nhanh nhất; Trời nắng trời mưa; Người giao hàng tí hon; Tìm đường về nhà; Bịp mắt bắt dê; Lộn cầu vòng; Thi xem đội nào nhanh; Bóng tròn to... - Quan sát, trò chuyện và gọi tên các bộ phận trên cơ thể; - Thực hiện một số tình huống để nhận biết tác dụng của các bộ phận trên cơ thể: Nhắm mắt; Bịt mũi; Bịt tai; Dấu tay...
--	--	---

			-Gọi tên các bộ phận trong cơ thể trên trang sách -Khoanh vào các bộ phận chỉ có một -Chỉ vào hình phía trước bạn trai- phía sau bạn gái Nhận biết một số con vật quen thuộc: + Các con vật thân yêu của bé. + Nhận biết con cá. + Xem tranh ảnh về các con vật. + Làm sách tranh về các con vật. - Nhận biết một số loại quả quen thuộc: + Nhận biết một số loại quả thật, quả đồ chơi, tranh ảnh quả. + Làm sách tranh về các loại quả yêu thích. - Nhận biết một số loại hoa, rau quen thuộc: + Quan sát bông hoa. + Nhận biết một số loại rau quen thuộc. + Nhận biết một vài loại hoa qua tranh. + Làm sách tranh về các loại hoa. - Xâu: Xâu vòng màu đỏ tặng bạn búp bê + Xâu vòng màu đỏ, màu xanh, màu vàng; Xâu vòng tặng mẹ; Xâu vòng bằng lá hoa màu xanh màu vàng màu đỏ. -Chỉ và nói xem con bướm nào to- nhỏ -Nối con bướm to với bông hoa to- Con bướm nhỏ với bông hoa nhỏ
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
22	MT22	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3	Hoạt động học:

		hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Truyện:
23	MT23	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Một ngày đến trường của bé; Bé Mai ở nhà ; Món quà của cô giáo; Chiếc mũ và lời chào; Be Bi và người bạn mới; Bé Bi và lọ kẹo
24	MT24	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Bài học đầu tiên của Gấu con; Khi con biết vâng lời; Cả nhà ăn dưa hấu; Em bé dũng cảm - Cháu chào ông ạ; Nhỏ củ cải, Thỏ con không vâng lời; Bé Mai ở nhà; Bé mai đi công viên - Dê đen và dê trắng; Quả trứng; Cá và chim; Anh em nhà thỏ; Thỏ con ăn gì?; Sóc nâu nhanh trí; Chú Gấu con ngoan; Chú thỏ tinh khôn; Chú Vịt xám, Bác Voi tốt bụng, Ba con Gấu. - Ngôi nhà ngọt ngào; Chiếc áo mùa xuân; Sự tích mùa xuân,Cây táo; - Hoa mào gà; Quả thị - Sẻ con; Em bé dũng cảm; Đôi bạn tốt; Hai chú dê con - Gà Vịt giúp nhau; Quả trứng; Cáo, mèo và đàn cá; - Câu chuyện về chú xe ủi;Kiến con đi ô tô, Thỏ con đi học, Qua đường, Chiếc đầu máy xe lửa tốt bụng, Tàu thủy tí hon; Ô tô con học bài; Bé Bi đi xe buýt. - Sóc và Thỏ đi tắm nắng,Nắng mùa hè; Đôi bạn nhỏ; Ai ngoan sẽ được thưởng; Lợn con sạch lắm rồi - Tâm sự của vỏ hộp, cái vỏ chuối - Quà tặng mẹ, cổ tích giáng sinh, Sóc nhỏ đón noel,Kiến con đi ô tô, chiếc xe ủi,Thỏ con đi học, Cóc gọi trời mưa, Chiếc ô của thỏ trắng,vịt và rùa đi tắm biển, Ai ngoan sẽ được thưởng, Niềm vui bất ngờ Hoạt động khác:

		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. -Thực hiện xếp hàng; đi rửa tay, vào bàn ăn cơm. -Biết ăn xong con để bát thìa lên rồi đi lấy cốc uống nước. -Thực hiện cất dày, dép, balo... vào lớp -Thực hiện xếp hàng lấy dụng cụ thể dục vào xếp hàng tập. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?...” - Album gia đình: Giúp trẻ nhận ra và chỉ được một vài người thân. - Gọi tên: Tập cho trẻ nói một số từ. - Kể về bản thân: Tập cho trẻ kể về bản thân. - Tìm người phù hợp với ảnh. - Kể chuyện theo nhóm. - Búp bê kể chuyện. - Đồ vật thật, tranh ảnh. - Các bức tranh quần áo. - Các bức tranh về các đồ vật trong phòng. - Những bức ảnh giống nhau. - Gọi tên các bộ phận cơ thể. - Bức tranh về địa điểm. - Hướng dẫn trẻ cách kể chuyện. - Những đồ dùng cần khi ăn. - Điều gì sẽ xảy ra. - Xem tranh nhận biết cảm xúc vui/ buồn. - Tranh ảnh về các hoạt động.
--	--	--

		- Chọn các đồ vật treo tranh. - Bức tranh về các hoạt động của người lớn. - Nghe, nhìn và tìm kiếm. - Chọn con vật giống nhau trong tranh. - Chỉ ra được hành động trong tranh - Tranh về các con vật: Chó, mèo, chim. - Chúng ta đang ở đâu. - Hôm nay chúng ta mặc gì. - Nghe và nói. - Nói chuyện với con rồi - Nói to, nói nhỏ. - Sử dụng từ đúng. - Con muốn nói gì. - Thời tiết thế nào. - Những cuộc đi dạo. - Những con rỗi. - Cái gì ở trên bầu trời. - Tên của những chú chim. - Âm thanh của thiên nhiên. - Hộp lắ một hay nhiều. - Xa và gần. - Con mấy tuổi. - Đếm với nhịp điệu. - Kể chuyện có số lượng.
--	--	--

			- Thực phẩm của bữa ăn - Điều gì xảy ra khi chúng ta nấu ăn. - Xem các bức vẽ của người khác. - Bé đang làm gì. - Trẻ xem tranh truyện rồi. - Kể chuyện minh họa bằng những con rối. - Nói chuyện về sự an toàn. - Những bức tranh chỉ dẫn: tránh xa guy hiểm . - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe kể chuyện: Chiếc mũ và lời chào; Bé Bi đi xe buýt; Bé bi và người bạn mới; Bé Bi và lọ kẹo... - Kể về bức tranh mình đã vẽ. - Kể lại truyện: Đôi bạn nhỏ....
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
25	MT25	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động học:
26	MT26	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	+ Thơ: - Trăng sáng, Trung thu của bé, Quà trung thu, Đến lớp; Bạn mới; Giờ ăn; Giờ chơi; Khóc nhè; Chào; Giờ ngủ; Ngủ rồi - Bàn chân của bé; Miệng xinh; Đường và chân; Đi dép; Nước; Dạy sớm; Hai bàn tay; Cái lưỡi; Đôi mắt của em - Cô và mẹ; Yêu mẹ; Ở trong; Chối ngoan; Mẹ và con; Ấm và chào; - Làm bác sỹ, Bàn tay cô giáo, Cô giáo của em, Chú bộ đội của em, Chú bộ đội hành quân trong mưa, - Thỏ trắng, Bé và Mèo, Chim sáo; Con cá vàng; Con voi; Chú gà

			con; Gà gáy; Gà con; Sáo học nói; Con cua; Chim hót; Con trâu; - Cây Đào, Đi chợ tết, Tết là bạn nhỏ - Bắp cải xanh; Cây dây leo, Hoa mào gà; Quả thị; Hoa nở - Xe chữa cháy; Đi chơi phố; Xe đạp; Con tàu; Khuyên Bạn, Đèn giao thông, Tàu thủy, Con thuyền, Bé và mẹ, - Hè về, Trưa hè; Trang Phục, Đi nắng, Áo mưa; Mưa; Bóng mây. Bé Nhìn biển, Mang biển về quê, Biển xanh - Bé bảo vệ môi trường, Vứt rác đúng chỗ, giữ vệ sinh - Hồ sen, Về Quê, Bác Hồ của em, - Tay làm đồ chơi; - Không vứt rác ra đường Hoạt động khác: - Trẻ chào hỏi lễ phép. - Trẻ nói được tên mình tên người thân, cô giáo, và các bạn, nói được tên gọi các loại đồ dùng cá nhân của mình. + Đồng dao, ca dao, hò vè: - Mẹ em đi chợ hàng trong; Cái cò đi đón cơn mưa; Bồng trong hang; Bồng bồng; Dung dăng dung dẻ; Lạy trời mưa xuống; Chi chi chành chành; Kéo cưa kéo kít; Kéo cưa lừa xẻ; Xu xoa xu xuyết; Con kiến mà leo cành đa; Cào cào; Con sên; Con mèo mà trèo cây cau; Con gà cục tác; Con công...
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
27	MT27	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: * Thơ: - Đàn gà con, ong và bướm, con voi, Đi chợ tết; , Cây đào, Quả thị; Bắp cải xanh, Củ cà rốt ; Cây dây leo,
28	MT28	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	

		-Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Hoạt động khác: -Trò chuyện về các đồ vật, con vật: hỏi cô giáo và người lớn lễ phép bằng các câu hỏi: Con thưa cô đây là con gì?, Đây là cái gì?..... Truyện: Cóc gọi trời mưa, giọt nước tí xíu, Nàng tiên mưa, cuộc phiêu lưu của cô mây,lời ru của trăng,Đôi bạn chó, mèo, Đôi bạn nhỏ,Gà- Vịt giúp nhau.... - Nghe các câu hỏi: “cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “ở đâu?”; “Như thế nào?”. -Trẻ nói được sở thích của mình muốn chơi và không muốn chơi -Thích chơi đồ chơi này và không thích chơi đồ chơi kia -Hỏi được con gì đây? Cái gì đây? -Nói khi chơi các góc nhỏ nhẹ vừa đủ nghe -Không gây ồn, đánh nhau , nói to - Trẻ nói to, rõ ràng, trả lời lễ phép khi người lớn hỏi - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
30	MT30	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: - Bé là ai?
31	MT31	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	Hoạt động khác: - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân -Nói được tên gọi 1 số đặc điểm các bộ phận trên cơ thể khi soi gương, xem tranh, ảnh. - Luyện cho trẻ thích chơi với các bạn và thích những đồ chơi

			trong lớp - Tập cho trẻ thích chơi với các bạn và thích những đồ chơi trong lớp Không thích khi không được chơi đồ chơi - Luyện cho trẻ có thói quen thích chơi với các bạn và thích những đồ chơi trong lớp. Không thích khi không được chơi đồ chơi - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thể hiện sự thích thú hay không thích qua các hoạt động hàng ngày. + Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, yêu thích của mình và biết cách chơi, giữ gìn đồ chơi khi được hỏi và trong khi chơi.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
32	MT32	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động khác: - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận + Nói lời yêu thương cùng với những người thân trong gia đình, cô giáo và bạn bè. + Giao tiếp với người xung quanh. + Gần gũi, mạnh dạn giao tiếp với cô và các bạn + Tham gia vào các hoạt động chơi tập cùng cô và bạn. + Thể hiện sự quan tâm, yêu quý các con vật nuôi qua các hoạt động, hành động. - Trẻ thích chơi các trò chơi vận động. - Biết thể hiện tình cảm của mình với những người xung quanh.
33	MT33	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	
34	MT34	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	
35	MT35	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	

		- Biểu lộ tình cảm của mình với những người thân trong gia đình và cô giáo. - Thể hiện sự thích thú hay không thích qua các hoạt động hàng ngày. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận - Xem video, clip về các câu chuyện thể hiện trạng thái: Thỏ trắng biết lỗi, xem chương trình quà tặng cuộc sống, vui cùng siêu chip. +Giao tiếp với người xung quanh. +Gần gũi, mạnh dạn giao tiếp với cô và các bạn +Tham gia vào các hoạt động chơi tập cùng cô và bạn. +Thể hiện sự quan tâm, yêu quý các con vật nuôi qua các hoạt động, hành động. - Trẻ thích chơi các trò chơi vận động. - Biết thể hiện tình cảm của mình với những người xung quanh. - Biểu lộ tình cảm của mình với những người thân trong gia đình và cô giáo. - Thể hiện sự thích thú hay không thích qua các hoạt động hàng ngày. - Biết thể hiện cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ. Biết thể hiện tình cảm của mình với những người xung quanh. - Thể hiện sự quan tâm, yêu quý các con vật nuôi qua các hoạt động, hành động. Bắt chước tiếng kêu, dáng đi và hành động của các con vật. - Qua câu chuyện trẻ bắt trước tiếng kêu của con vật : Con vịt kêu vít vít ...
--	--	---

			-Qua đọc thơ trẻ có thể bắt trước tiếng kêu của con gà -Qua hình ảnh, ti vi, sách báo ... trẻ bắt trước được tiếng kêu, gọi của các con vật
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
36	MT36	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ạ.	Hoạt động khác: + Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp : - Nói chào, tạm biệt với mọi người, cảm ơn người đã giúp đỡ - Hành vi lễ phép với người lớn : "vâng ạ" chơi cạnh bạn không cầu,đánh bạn - Tổ chức các trò chơi, hướng dẫn trẻ chơi trong các góc. - Tạo tình huống để trẻ giao tiếp với nhau trong nhóm nhỏ. - Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt một ngày, các hoạt động lễ hội như: Tham gia giao lưu văn nghệ với các bạn, với các anh chị mẫu giáo trong các sự kiện của năm học. - Góc chơi với búp bê: + Bế em, cho em ăn, uống nước, lau miệng. +Trò chuyện với em, ru em ngủ. + Bế em, hát, trò chuyện đồ dùng nấu ăn; Thao tác sử dụng đồ dùng nấu ăn. -Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (nấu ăn, bế em... Thực hiện một số thao tác: gấp quần áo, cài khuy áo...) -Biết chơi các trò chơi bế em, ru em ngủ cho em ăn, nghe điện thoại -Biết chơi đóng giả cô bán hàng(Mua - Bán)...
37	MT37	<i>Bước đầu có khả năng chơi và giao tiếp cùng các bạn trong nhóm</i>	
38	MT38	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	
39	MT39	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	
40	MT40	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	

			- Trẻ không tranh giành đồ chơi với bạn chơi thân thiện với các bạn - Rèn kỹ năng chơi trò ở các góc, Chơi thân thiện với bạn chơi cạnh bạn, không cầu bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Rèn kỹ năng chơi trò ở các góc, Chơi bé tập bé em trẻ thân thiện với bạn chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Luyện Bê và cất ghế - Luyện Cất và lấy cốc uống nước - Luyện cởi và cất giày dép lên giá - Thực hiện được một số yêu cầu của cô giáo như lấy đồ dùng theo yêu cầu... - Con cất dép, ba lo lên giá đi vào lớp -Xếp hàng tập, lấy dụng cụ tập thể dục - Thực hiện một số qui định của lớp không ra khỏi lớp một mình : vứt rác đúng nơi qui định, cất đồ chơi sau chơi. - Góc bé em: Cho trẻ chơi chuẩn bị mâm cơm - Góc bé em: Cho trẻ chơi nghe điện thoại - Chơi xong đi ra rửa tay lau tay -Biết chơi học ngoan trong mọi hoạt động chiều
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
41	MT41	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: + Hát, vận động theo nhạc: Đi nhà trẻ; Búp bê; Đi chơi với búp bê; Lời chào buổi sáng; Đôi
42	MT42	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp	

		hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). dép; Chiếc khăn tay; Cái Mũi, Biết vâng lời mẹ;Cháu yêu bà,Mẹ yêu không nào, Cả nhà thương nhau,Ba ngọn nến lung linh, Em ngoan hơn búp bê; Bé ngoan; Bé và hoa; Chân nào khỏe hơn;Mẹ yêu không nào; ếch ộp; Con gà trống; Một con vịt; Gà gáy; Gà trống, mèo con và cú con,Gà con sợ nước; Bé và hoa;Màu hoa, Biết vâng lời mẹ; Đi một hai; Quà tặng mẹ; Hãy bước nhịp nhàng; Cùng múa vui; Mùa hè đến; Bóng tròn to; Em tập lái ô tô;Em đi qua ngã tư đường phố,Dỗ em; Chú mèo; Chú mèo lười; Đèn xanh đèn đỏ; Giấu tay; Kéo cưa lừa xẻ; Là con mèo; Nhong nhong nhong; Tàu hỏa; Tập tâm vòng; Đi ngủ; Chơi ngón tay; Khuôn mặt cười; Nào! Chúng ta cùng tập thể dục; Xòe bàn tay, nắm ngón tay; Trời đã sáng rồi; Lời chào buổi sáng; Nhà của tôi. + Nghe nhạc, nghe hát: Rước đèn; Bé và trăng; Bé ngoan,Bạn có biết tên tôi,Mẹ yêu con; Mẹ đi vắng; gia đình nhỏ hạnh phúc to; Nhà mình rất vui,Cho con, Bàn tay mẹ,Ru em; Cả nhà đều yêu; Chú ếch con, Chị ong nâu và em bé,Rửa mặt như mèo; Tập rửa mặt; Cái mũi Cô và mẹ; Như những cánh hoa; Cô giáo; Lại đây múa hát cùng cô; Em yêu cô giáo; Ông già Noel; Làm chú bộ đội; Cháu yêu chú bộ đội; Con chim non; Chú gà trống gọi; Gà trống mèo con và cú con; Thật là hay; Chim mẹ chim con; Chim bay; Chim chích bông; Chim sẻ; Cò lả; Vì sao chim hay hót; Cá vàng bơi, Con cào cào...Chú voi con ở bản đôn, Đồ bạn. Sắp đến tết rồi; Ngày tết quê em,Em yêu mùa hè quê em, Mùa xuân đến rồi;Mùa xuân của bé, Vào rừng hoa; Vườn cây của ba, Màu Hoa, Em yêu cây xanh,Qùa 8-3; Quà Lái xe hơi; Đoàn tàu nhỏ xíu,, Đi đường em nhớ, Đèn đỏ đèn xanh, Múa đàn; Mây và gió; Trời nắng trời mưa;Cây trúc
--	--	---

		xinh;Nhỏ và to; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng.Hè về, Quê hương tươi đẹp, Nhớ ơn bác,Múa với bạn tây em , Quê Hương, Bé Yêu biển lắm, Hãy giữ hành tinh xanh, chúng em bảo vệ môi trường , Trái đất này là của chúng mình ,Em vẽ môi trường màu xanh + Trò chơi âm nhạc: - Hãy bắt chước; Tai ai tinh; Đoán tên dụng cụ âm nhạc; Mưa to, mưa nhỏ; Hãy lắng nghe; Trời nắng, trời mưa; Nghe bài hát lấy đồ dùng, đồ chơi tương ứng; Ai nhanh hơn, ai đoán giỏi - In màu: Tạo thành cánh hoa; Trang trí cánh bướm; in bàn chân; In bàn tay; In lá cây; in rau củ, quả; In ô tô, tàu, thuyền.... - Di màu:Di màu cái bát; Di màu chiếc áo của bé; Làm mặt nước; Làm ổ rơm; Con cá; Cái áo chú bộ đội; Máy bay; Di màu đồ dùng, đồ chơi của lớp; Di màu ông mặt trời; Bé phết màu con vật bé thích; Bé vẩy màu sáng tạo... - Tô màu: Bánh trung thu;Cái ô;Áo và váy, Quả cà chua; Lá cây; Cái áo; Con chim; Ô tô; Tô màu hình đám mây, mặt trời; Bánh; hộp bút; Tô màu bức tranh gia đình bé; đồ chơi bé thích; đồ dùng của bé; Tô màu bạn trai, bạn gái; Đồ dùng bác sĩ, Bác nông dân.. - Vẽ: Vẽ mặt trời và hoa; Vẽ mưa; Vẽ con giun; Vẽ cuộn len; Vẽ tổ chim; Vẽ dây bóng; Vẽ bông hoa; Vẽ đường về nhà; Vẽ dấu chân; Vẽ lá rụng... - Dán: Dán thuyền; Dán bóng bay; Dán lá vàng; Dán ngôi nhà; Trang trí váy hoa; Dán quả và lá theo màu; Dán nhụy hoa; Dán ô tô; Dán cảnh lá; Dán cây hình tròn; Dán trang trí cái mũ; Dán bánh xe... - Nặn: Nặn bông hoa; Nặn bánh trung; Nặn viên phấn, Nặn cái bánh nướng, bánh dẻo; Nặn quả cam; Nặn bánh xe; Nặn viên bi;
--	--	---

		Nặn con gà; Nặn lật đật; Nặn cái vòng; Nặn đôi đũa Hoạt động khác: - Giờ đón trẻ: Cho trẻ nghe các bài hát, bản nhạc có giai điệu vui tươi, trong sáng, tạo không khí vui, sôi nổi, nội dung phù hợp với trẻ. - Giờ ngủ: Cho trẻ nghe hát ru hoặc bản nhạc có giai điệu nhịp nhàng, êm dịu. - Chơi tập buổi chiều: Hát cho trẻ nghe, cho trẻ chơi trò chơi âm nhạc, hoặc hướng dẫn trẻ thể hiện một nội dung âm nhạc, cho trẻ hát múa tự do tùy theo ý thích của trẻ. - Nghe âm thanh trong thiên nhiên như: Tiếng kêu của con vật gần gũi.; Âm thanh của tiếng nước chảy róc rách; Tiếng mưa rơi tí tách, âm thanh của các phương tiện giao thông, âm thanh của các dụng cụ âm nhạc - Cho trẻ tập hát ở mọi lúc, mọi nơi - Cho trẻ làm quen với các dụng cụ âm nhạc. - Cho trẻ bắt trước một số vận động đơn giản. - Cho trẻ thổi còi, sáo, kèn... để tạo ra các âm thanh khác nhau. - Xem tranh và mô tả về nội dung của các bức tranh - Góc âm nhạc: + Cho trẻ làm quen với dụng cụ âm nhạc; Hát, múa, biểu diễn các bài hát cùng cô, nhún nhảy theo nhạc điệu... + Trò chơi: - Chơi xé, vò giấy; Chơi xé lá; Chơi với đất nặn; Xếp bộ bàn ghế; xếp cái nhà có hàng rào; Xếp cái giường; xếp cái bàn; xếp cái nhà; Xếp đường đi; Xếp cái ô tô; Xếp tháp cao; Xếp bậc thang... Góc hoạt động với đồ vật:
--	--	--

		+ Xếp hình; Xây nhà, hàng rào, cổng, đường đi, bậc thang, tháp chóp... - Góc sách truyện: + Tranh về con vật tự sưu tầm; Tranh truyện có sẵn; Rời các con vật; Nhân vật trong truyện, thơ. - Góc tạo hình: + Dán hình, di màu các con vật, đồ chơi, hoa, quả, chơi với màu nước, đất nặn - Góc vận động: + Cổng hình chữ nhật, tròn, tam giác, vuông + Bóng, thú nhún..... - Làm quen với bút chì và giấy. - Tập tô ngang hoặc dọc cho kín bức tranh: Cho trẻ tập tô những hình vẽ có kích thước to, rõ ràng; Tô màu khuôn mặt người (mặt bé, mẹ , bố); Đồ dùng (cái khăn, cái cốc, yếm, gối bát); Đồ chơi (quả bóng, cái trống, máy bay, ô tô); Các con vật quen thuộc (con mèo con bò...); Các loại quả (đu đủ na, dưa hấu..) - Tập vẽ: Vẽ nét thẳng dọc nét ngang, nét xoay tròn. - Nặn: Cho trẻ chơi với đất nặn và làm quen với một số cách nặn đơn giản; Lăn dọc trên bảng, xoay tròn trên bảng; Phối hợp các thao tác lăn dọc, xoay tròn, ấn det...tạo thành các sản phẩm đơn giản như: cái bánh tròn, dài, chiếc lá, cánh hoa... - Xé dán: Tập xé, vò các tờ giấy báo, dán ô tô, hình tròn, hình vuông - Tập xếp: Hình quả trứng, quả bóng, cái nón, bông hoa, ngôi nhà, bể cá, bàn ghế; xếp chồng, xếp cạnh: xếp ô tô , tàu hỏa, xếp nhà ga
--	--	---

		- Cho trẻ quan sát các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống gần gũi. - Khuyến khích cho trẻ vẽ lên trên đất, cát những hình ảnh mà trẻ thích. - Cô làm đồ chơi bằng lá cây cho trẻ chơi: Làm kèn bằng lá chuối cho trẻ thổi, làm con trâu bằng lá đa cho trẻ chơi dắt trâu đi ăn cỏ... - Cho trẻ được tự do tô màu, vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình. - Khuyến khích cho trẻ tham gia hoạt động tạo hình theo ý thích và giúp đỡ những trẻ chưa biết vẽ, nặn, dán, xếp hình để tạo ra những sản phẩm trẻ yêu thích.
--	--	--

Ban giám hiệu



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Trang Ngọc

Khôi trưởng



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hiền



Trần Thị Thùy Dương